

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÁI BÈ  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2021/HS-ST  
Ngày: 27/12/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thanh Vũ**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**Ông Võ Văn Cường**

**Ông Huỳnh Văn Minh**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Cao Trần Khắc Huy** - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông **Phạm Văn Nhó** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 110/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

**Trương Minh P**, sinh năm: 1976 tại Tiền Giang. Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Đ (đã chết) và bà Lê Thị N (đã chết); bị cáo có vợ là Đỗ Thị C và 01 con là Trương Gia B (đã chết); tiền án: không, tiền sự: không; về nhân thân: từ nhỏ sống chung gia đình tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Từ năm 2019 sống tại ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho đến ngày phạm tội. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/4/2021 đến nay. (Bị cáo có mặt).

**- Người đại diện hợp pháp của bị hại bà Võ Thị T:** Ông Võ Văn L, sinh năm: 1952. Nơi cư trú: ấp E, xã H, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Bà Lê Thị N, sinh năm: 1972. Nơi cư trú: ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt).

**- Người làm chứng:** Chị Lê Thị N, sinh năm: 1991. Nơi cư trú: ấp E, xã H, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bị cáo Trương Minh P được Sở giao thông vận tải tỉnh Tiền Giang cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1 vào ngày 29 tháng 7 năm

2003. Khoảng 12 giờ 10 phút, ngày 03 tháng 02 năm 2021, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 63S6-2028 lưu thông trên tỉnh lộ 864 theo hướng từ huyện C đến huyện G. Khi đến km 32 + 700, phía trước nhà anh Võ Hữu C, sinh năm 1981 thuộc ấp E, xã H, huyện G, tỉnh Tiền Giang, bị cáo nhìn thấy bà Võ Thị T, sinh năm 1941, ngụ ấp E, xã H, huyện G, tỉnh Tiền Giang đang đi bộ qua đường hướng từ trái sang phải cách khoảng 22m nhưng bị cáo không giảm tốc độ, không nhường đường cho bà T qua đường mà vẫn điều khiển xe mô tô chạy về phía trước để vượt qua. Khi khoảng cách xe của bị cáo đến bà T còn khoảng 12m bị cáo mới thắng xe, do không xử lý được tình huống, bị cáo để xe mô tô mình điều khiển va chạm vào người bà T làm bà T té ngã xuống đường bị thương nặng dẫn đến chết.

Theo biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Tiền Giang xác định:

Đoạn đường xảy ra tai nạn là đường trải nhựa, mặt đường bằng phẳng, ở giữa có vạch sơn kẻ đường không liên tục chia đường thành hai chiều xe chạy, mỗi phần đường rộng 3,5 mét, phần đường bên hướng C đi G là nơi xảy ra tai nạn. Đường thẳng, tầm nhìn không bị hạn chế.

Chọn hướng đi từ C đến G làm hướng đi chính.

Chọn lề đường bên phải theo hướng đi từ C đến G làm mép chuẩn, chọn cột mốc km 32 + 700 làm mốc chuẩn (ký hiệu A).

Số 1: Vết phanh để lại trên mặt đường của xe mô tô biển số 63S6-2028; vết phanh dạng thẳng liên tục có chiều dài 12,10m; đầu vết phanh kéo vuông góc vào mép đường chuẩn là 2,5m; kéo về mốc chuẩn A là 10,95m; điểm cuối vết phanh kéo vào mép chuẩn là 2,55m.

Số 2: Vị trí xe mô tô biển số 63S6-2028 ngã sau tai nạn, xe ngã về phía bên trái, đầu xe quay về hướng G, đuôi xe quay về hướng C; trục trước kéo vuông góc vào mép chuẩn là 3,65m, trục sau kéo vuông góc vào mép chuẩn là 3,2m và kéo về điểm cuối vết phanh là 5,40m.

Số 3: Vết cày để lại trên mặt đường của xe mô tô biển số 63S6-2028, vết cày dài 0,60m, vết dạng thẳng không liên tục, nằm trên phần đường hướng đi từ C đến G, đầu vết cày kéo vuông góc vào mép đường chuẩn là 3,4m, cuối vết cày nằm ngay gát chân trước bên trái, kéo vuông góc vào mép chuẩn là 3,5m.

Số 4: Vị trí nạn nhân Võ Thị T nằm trên phần đường hướng C đi G, đầu nạn nhân quay về hướng G, kéo vuông góc vào mép đường chuẩn là 2,3m, cách trục trước xe là 1,4m.

Theo biên bản khám nghiệm phương tiện xe mô tô biển số 63S6-2028 ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Tiền Giang xác định có các dấu vết như sau:

Đèn tay cầm ghi đông bên trái có vết chà xước mài mòn cao su kích thước (2,5 x 01) cm; mỏ dè chắn bùn trước sạch bụi kích thước (24 x 13) cm; dè chắn bùn sau phía trước có vết sạch bụi kích thước (30 x 14) cm; mặt ngoài phuộc trước bên phải có vết sạch bụi kích thước (3,5 x 0,1) cm; đầu gác chân trước bên trái mài mòn kích thước (01 x 01) cm; bọc gác chân trước bên trái mài mòn chà xước cao su kích thước (05 x 2,5) cm; mặt lặn bánh sau có vết chà

xước cao su kích thước (87 x 4,5) cm; mặt ngoài dưới của phuộc trước bên phải có vết sạch bụi kích thước (3,5 x 01) cm.

Theo kết luận giám định pháp y về tử thi số 22/PY-PC09 ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang, xác định: bà Võ Thị T chết do gãy trượt đốt sống cổ.

Lỗi dẫn đến tai nạn giao thông là do bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 63S6-2028 không giảm tốc độ, không nhường đường cho bà Võ Thị T đang đi bộ qua đường, gây tai nạn làm bà T chết đã vi phạm khoản 4 Điều 11 Luật giao thông đường bộ.

Điều 11. Chấp hành báo hiệu đường bộ

1.....

4. Tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện phải quan sát, giảm tốc độ và nhường đường cho người bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường.

Những nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện phải quan sát, nếu thấy người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường thì phải giảm tốc độ, nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường bảo đảm an toàn.

Tại bản cáo trạng số 109/CT-VKSCB ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang truy tố bị cáo Trương Minh P về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tuyên bố bị cáo Trương Minh P phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo P từ 12 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng.

Lời nói sau cùng của bị cáo P: Mong Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trương Minh P đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là vào lúc khoảng 12 giờ 10 phút ngày 03 tháng 02 năm 2021 bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 63S6-2028 lưu thông trên tỉnh lộ 864 theo hướng từ huyện C đến huyện G, khi đến km 32 + 700 thuộc ấp E, xã H, huyện G, tỉnh Tiền Giang, do không nhường đường cho bà Võ Thị T đang đi bộ qua đường nên đã để xe mô tô bị cáo điều khiển va chạm vào người bà T làm bà T té ngã xuống đường bị thương nặng dẫn đến chết.

[2] Lời thừa nhận tội của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa; phù hợp biên bản, sơ đồ hiện trường vụ

tai nạn giao thông, kết luận giám định pháp y; phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ cơ sở kết luận hành vi phạm tội của bị cáo P đã cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nó đã xâm phạm đến hoạt động bình thường về an toàn giao thông đường bộ, vi phạm vào khoản 4 Điều 11 của Luật giao thông đường bộ, gây ra cái chết cho bà Võ Thị T, gây tư tưởng lo sợ cho người dân khi tham gia giao thông đường bộ. Bản thân bị cáo nhận thức được rằng xe mô tô khi tham gia giao thông là nguồn nguy hiểm cao độ, chỉ cần bất cẩn là xảy ra hậu quả khó lường nhưng vì chủ quan mà bị cáo không giảm tốc độ, không nhường đường cho bà T qua đường nên đã để xảy ra tai nạn làm bà T chết. Do đó, cần có một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để có thời gian giáo dục cải tạo bản thân bị cáo trở thành công dân tốt, có ý thức chấp hành Luật giao thông đường bộ.

[4] Tuy nhiên Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo do bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải và nhận tội; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho ông L là người đại diện hợp pháp của bà T số tiền 50.000.000 đồng nhưng ông L không nhận; ông L cũng có yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Mặt khác, lỗi trong vụ tai nạn này 01 phần cũng do bà T vì bà T qua đường nơi không có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ, vi phạm khoản 3 Điều 32 Luật giao thông đường bộ. Ngoài ra, bị cáo cũng có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Xét thấy, bị cáo P có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo cũng có nơi cư trú rõ ràng. Để thể hiện tính chất nhân đạo của Nhà nước ta, do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo cũng có đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho những ai đang có tư tưởng phạm tội như bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang đang tạm giữ gồm:

- 01 xe mô tô biển số 63S6-2028. Xét thấy, xe mô tô bị cáo điều khiển nằm ngoài danh mục mà cơ quan có chức năng quản lý nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- 01 giấy phép lái xe hạng A1 tên Trương Minh P. Xét thấy, đây là tài sản riêng của bị cáo, không phải công cụ, phương tiện phạm tội nên trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ông Võ Văn L là người đại diện hợp pháp của bị hại bà Võ Thị T không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo Trương Minh P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở một phần nên Hội đồng xét

xử chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, của Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Trương Minh P phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trương Minh P 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trương Minh P cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2.1 Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 xe mô tô biển số 63S6-2028 (hiện trạng xe không khởi động được, không bùng, không kín chiếu hậu) hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang đang tạm giữ.

2.2 Trả lại bị cáo Trương Minh P 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Trương Minh P hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang đang tạm giữ.

3. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trương Minh P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trương Minh P, ông Võ Văn L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Bà Lê Thị N được quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Bị cáo Trương Minh P;
- Người tham gia tố tụng khác;
- VKS nhân dân huyện G;
- Nhà tạm giữ Công an huyện G;
- Chi cục THA dân sự huyện G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thanh Vũ**







